

# Sách Đa-ni-ên - Số tám mươi

*Sự kết thúc và khởi đầu của các thị kiến: Thị kiến công khai cuối cùng của Ellen White vào năm 1884 và ý nghĩa của nó*

Jeff Pippenger

2024-02-13

Năm 1884, Ellen White đã có thị kiến mở mắt cuối cùng của mình. Thị kiến đó xảy ra tại Portland, Oregon. Thị kiến mở mắt đầu tiên của bà diễn ra vào năm 1844, tại Portland, Maine. Chúa Giê-su luôn dùng phần khởi đầu để minh họa phần kết thúc của một sự việc.

Không lâu sau khi thời điểm ấy đã qua, vào năm 1844, khái tượng đầu tiên đã được ban cho tôi. Tôi đang thăm bà Haines ở Portland, một chị em thân yêu trong Chúa, tấm lòng bà gắn bó mật thiết với tôi; năm người chúng tôi, tất cả đều là phụ nữ, đang quỳ yên lặng tại bàn thờ gia đình. Khi chúng tôi đang cầu nguyện, quyền năng của Đức Chúa Trời đã giáng trên tôi theo cách mà trước đó tôi chưa từng cảm nhận.

Tôi dường như được ánh sáng bao quanh và đang lên, mỗi lúc một cao hơn khỏi mặt đất. Tôi quay lại để tìm những người chờ đợi sự tái lâm trong thế gian, nhưng không thấy họ, thì một tiếng nói bảo tôi: “Hãy nhìn lại, và nhìn cao hơn một chút.” Nghe vậy, tôi ngược mắt lên và thấy một con đường thẳng và hẹp, được đắp cao trên thế gian. Trên con đường ấy, những người chờ đợi sự tái lâm đang đi đến thành ở đầu xa của con đường. Họ có một ánh sáng rực rỡ được đặt phía sau mình tại đoạn đầu của con đường, mà một thiên sứ nói với tôi là “tiếng kêu lúc nửa đêm.” [XEM MA-THI-Ơ 25:6.] Ánh sáng ấy chiếu suốt dọc con đường và soi bước chân họ, để họ khỏi vấp ngã.

Nếu họ giữ mắt chăm chú nhìn vào Chúa Giê-su, Đấng ở ngay trước mặt họ, dẫn họ đến thành, thì họ được an toàn. Nhưng chẳng bao lâu, một số người trở nên mệt mỏi và nói rằng thành còn rất xa, và họ mong rằng lẽ ra đã vào đó từ trước. Bấy giờ Chúa Giê-su khích lệ họ bằng cách giơ cao cánh tay phải vinh hiển của Ngài, và từ cánh tay ấy phát ra một luồng sáng chiếu rọi trên đoàn người trông đợi, và họ reo lên: “Ha-lê-lu-gia!” Những người khác thì hấp tấp chối bỏ ánh sáng phía sau họ, và nói rằng chẳng phải Đức Chúa Trời đã dẫn họ ra xa đến thế. Ánh sáng phía sau họ tắt mất, bỏ mặc bước chân họ trong bóng tối hoàn toàn; họ vấp ngã, mất đầu mục tiêu và mất Chúa Giê-su khỏi tầm mắt, rồi rơi khỏi con đường, lao xuống thế gian tối tăm và gian ác bên dưới. Kinh nghiệm và giáo huấn Cơ Đốc của Ellen G. White, 57.

Trong bộ tiểu sử gồm sáu tập về Ellen White, do cháu trai bà, Arthur L. White, viết, ông ghi lại một lời phát biểu của John Loughborough tại kỳ họp Đại hội đồng năm 1893.

Loughborough, khi đọc một bài diễn văn tại kỳ họp Đại Hội Đồng chín năm sau đó, đã nói: "Tôi đã thấy Bà White trong thị kiến khoảng năm mươi lần. Lần đầu tiên là cách đây khoảng bốn mươi năm. ... Thị kiến công khai cuối cùng của bà là vào năm 1884, tại khu trại ở Portland, Oregon." Tiểu sử Ellen White, tập 3, trang 256.

Bà vẫn tiếp tục có những giấc mơ và Khải tượng sau năm 1884, nhưng các Khải tượng diễn ra trước công chúng đã chấm dứt đúng bốn mươi năm sau khi chúng bắt đầu, và cả Khải tượng công khai đầu tiên lẫn cuối cùng đều xảy ra tại những thành phố mang tên Portland. Thành phố đầu tiên nằm ở bờ đông Hoa Kỳ, còn thành phố cuối cùng ở bờ tây. Có người có thể lập luận rằng thực tế này chẳng có ý nghĩa gì ngoài một sự trùng hợp ngẫu nhiên, và những người khác có thể cho rằng mục đích của các Khải tượng công khai đã được hoàn tất, nên Chúa đã chấm dứt chúng sau bốn mươi năm.

Nguyên nhân thực sự là do sự bất tuân và nổi loạn ngày càng gia tăng chống lại ân tứ tiên tri đã được ban cho phong trào Millerite.

Sau khi tôi đến Oakland, tôi bị đè nặng bởi ý thức về tình trạng mọi việc ở Battle Creek, còn tôi thì yếu đuối, bất lực không thể giúp anh em. Tôi biết men của sự vô tín đang hoạt động. Những người coi thường những mệnh lệnh rõ ràng của Lời Đức Chúa Trời cũng đang coi thường những lời chứng khuyên họ lưu tâm đến Lời ấy. Khi thăm Healdsburg mùa đông năm ngoái, tôi đã dành nhiều thì giờ cầu nguyện và mang nặng lo âu cùng sầu não. Nhưng có lần khi tôi đang cầu nguyện, Chúa đã quét tan bóng tối, và một luồng ánh sáng lớn tràn ngập căn phòng. Một thiên sứ của Đức Chúa Trời ở bên cạnh tôi, và tôi dường như đang ở Battle Creek. Tôi ở trong các cuộc họp bàn của anh em; tôi nghe những lời được thốt ra, tôi thấy và nghe những điều mà, nếu Đức Chúa Trời muốn, tôi ước gì có thể được xóa khỏi ký ức tôi vĩnh viễn. Linh hồn tôi bị tổn thương đến nỗi tôi không biết phải làm gì hay nói gì. Có những điều tôi không thể nói ra. Tôi được bảo đừng cho ai biết về việc này, vì còn nhiều điều sẽ được bày tỏ.

Tôi được bảo phải gom góp ánh sáng đã được ban cho tôi và để những tia sáng của nó chiếu rọi đến dân sự của Đức Chúa Trời. Tôi đã làm điều này qua các bài viết trên báo. Trong nhiều tháng liền, gần như sáng nào tôi cũng thức dậy lúc ba giờ và gom các mục khác nhau được viết sau khi hai lời chứng cuối cùng đã được ban cho tôi tại Battle Creek. Tôi đã viết ra những điều này và vội vã gửi đến cho các bạn; nhưng tôi đã sơ suất không chăm sóc bản thân cho đúng mục, và kết quả là tôi gục ngã dưới gánh nặng; các bài viết của tôi chưa hoàn tất hết để kịp đến tay các bạn tại Đại Hội Đồng.

Lại nữa, khi đang cầu nguyện, Chúa đã tỏ mình ra. Tôi lại thấy mình ở Battle Creek. Tôi đã ở trong nhiều ngôi nhà và nghe những lời các bạn nói quanh bàn của các bạn. Những chi tiết ấy hiện tôi không được phép thuật lại. Tôi hy vọng sẽ không bao giờ bị yêu cầu phải nhắc đến chúng. Tôi cũng đã có vài giấc mơ hết sức ấn tượng.

"Bạn sẽ công nhận tiếng nói nào là tiếng của Đức Chúa Trời? Chúa còn để dành quyền năng nào để sửa những sai lầm của bạn và chỉ cho bạn đường lối của mình như nó vốn có? Quyền năng nào để hành động trong Hội Thánh? Nếu bạn khước từ tin cho đến khi mọi bóng mờ của sự bất định và mọi khả năng nghi ngờ đều được loại bỏ, bạn sẽ chẳng bao giờ tin. Sự hoài nghi đòi hỏi tri thức hoàn hảo sẽ chẳng bao giờ nhường chỗ cho đức tin. Đức tin đặt nền trên bằng chứng, không phải trên sự chứng minh. Chúa đòi hỏi chúng ta vâng theo tiếng gọi của bản phận, khi quanh ta có những tiếng nói khác thúc giục chúng ta theo một đường lối trái ngược. Điều đó đòi hỏi nơi chúng ta sự chú tâm nghiêm túc để phân biệt tiếng phán đến từ Đức Chúa Trời. Chúng ta phải chống lại và chế ngự khuynh hướng tự nhiên, và vâng theo tiếng lương tâm mà không mặc cả hay thỏa hiệp, kéo những thôi thúc của nó tắt đi, và ý muốn cùng xung động

nắm quyền điều khiển. Lời của Chúa đến với hết thảy những ai không chống lại Thánh Linh của Ngài bằng quyết định không lắng nghe và không vâng lời. Tiếng nói này được nghe trong những lời cảnh cáo, khuyên bảo, quở trách. Ấy là sứ điệp ánh sáng của Chúa dành cho dân sự Ngài. Nếu chúng ta đợi những lời kêu gọi lớn hơn hoặc những cơ hội tốt hơn, ánh sáng có thể bị rút lại, và chúng ta sẽ bị bỏ lại trong bóng tối." Lời chứng, tập 5, 68.

Bà White đã chỉ ra rằng nếu sự phản loạn chống lại chức vụ nữ tiên tri của bà còn tiếp diễn, thì "ánh sáng có thể bị rút lại, và" Cơ Đốc Phục Lâm trong tình trạng La-ô-đi-xê sẽ bị "bỏ lại trong tối tăm." Năm 1915, ánh sáng đã bị rút lại. Đức Chúa Trời đã và vẫn hoàn toàn có thể đẩy lên một nam hay nữ tiên tri bất cứ khi nào Ngài muốn. Ngài đã đẩy lên Ê-li-sê để nối tiếp Ê-li, nhưng sau năm 1915 không có vị tiên tri sống nào được đẩy lên, vì Chúa đã "rút lại ánh sáng."

Khi nói đến các giấc mơ và Khải tượng của Bà White, có ba giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất kéo dài bốn mươi năm, trong đó các Khải tượng diễn ra công khai, nhằm mục đích củng cố sự công nhận ân tứ trong tâm trí những người hiện diện khi Khải tượng xảy ra. Sau đó, từ năm 1884 cho đến khi bà qua đời năm 1915, các Khải tượng và giấc mơ vẫn được ban để gây dựng dân của Đức Chúa Trời, nhưng chúng được ban trong riêng tư. Giai đoạn thứ ba bắt đầu vào năm 1915 và đưa ra bằng chứng rằng Phục Lâm La-ô-đi-xê đang ở trong bóng tối của sự bội đạo.

Israel cổ đại minh họa cho Israel hiện đại, và trong thời kỳ phản loạn bùng nổ, được tiêu biểu bởi Eli và hai con trai ông, Hophni và Phineas, thì "không có Khải tượng tỏ tường." Lý do là sự bất tuân và phản loạn nghiêm trọng của họ. Đức Chúa Trời không thay đổi.

Một lời cảnh báo nữa sẽ được gửi đến nhà Ê-li. Đức Chúa Trời không thể phán với thầy tế lễ thượng phẩm và các con trai ông; tội lỗi của họ, như một đám mây dày đặc, đã che khuất sự hiện diện của Đức Thánh Linh Ngài. Nhưng giữa chốn gian ác, đứa trẻ Sa-mu-ên vẫn trung tín với Trời, và sứ điệp đoán phạt dành cho nhà Ê-li chính là sứ mạng của Sa-mu-ên như một tiên tri của Đấng Tối Cao.

'Trong những ngày ấy, lời của Chúa hiêm hoi; chẳng có Khải tượng được tỏ bày. Và xảy ra vào thời đó, khi Eli nằm ở chỗ của mình, mắt ông bắt đầu mờ đến nỗi không còn thấy; và trước khi đèn của Đức Chúa Trời tắt trong đền thờ của Chúa, nơi có hòm của Đức Chúa Trời, và Samuel đã nằm xuống ngủ; thì Chúa gọi Samuel.' Tưởng rằng tiếng ấy là của Eli, đứa trẻ vội vã chạy đến bên giường vị thầy tế lễ và nói: 'Con đây; vì thầy đã gọi con.' Người đáp: 'Thầy không gọi, con ạ; hãy nằm xuống lại.' Samuel bị gọi ba lần, và cả ba lần em đều đáp lại y như vậy. Bây giờ Eli mới tin chắc rằng tiếng gọi huyền nhiệm ấy là tiếng của Đức Chúa Trời. Chúa đã bỏ qua đây tớ được Ngài chọn, người tóc bạc phơ, để phán cùng một đứa trẻ. Điều ấy tự nó là một lời quở trách cay đắng nhưng xứng đáng đối với Eli và nhà ông. Các Tổ Phụ và Các Tiên Tri, 581.

Trong thời kỳ bội đạo của nhà Ê-li, không có Khải tượng công khai, vì Lời của Đức Giê-hô-va bấy giờ là "quý báu". Từ Hê-bơ-rơ được dịch là "quý báu" có nghĩa là "hiêm". Từ năm 1844 đến 1884, đã có những "Khải tượng công khai" được ban cho Cơ Đốc Phục Lâm Lao-đi-xê. Những Khải tượng ấy trước hết đã được xác lập trong lịch sử của phong trào Millerite Phi-la-đen-phi, và đến năm 1856, bắt đầu nhận diện rằng phong trào Phi-la-đen-phi đã chuyển sang phong trào Lao-đi-xê, nhưng các Khải tượng công khai vẫn tiếp tục, vì Đức Chúa Trời chậm giận và giàu lòng thương xót.

Rồi vào năm 1863, sự nổi loạn chống lại những chân lý nền tảng bắt đầu, nhưng các "khải tượng công khai" vẫn tiếp diễn cho đến năm 1884. Sau đó, một sự thay đổi đã xảy ra. Trong sách Ê-xê-chi-ên, chương tám, bốn điều ghê tởm được mô tả như có tính chất leo thang. Năm 1884 đánh dấu việc thế hệ thứ nhất gần đi đến hồi kết và sự khởi đầu của thế hệ thứ hai. Lịch sử Phục Lâm ghi nhận rằng vào năm 1881, và rồi một lần nữa vào năm 1882, đã xảy ra hai sự gia tăng đáng kể trong sự nổi loạn.

Năm 1881, Chủ tịch Tổng Hội (George Butler) đã viết và đăng một loạt bài trên tờ Review and Herald, trong đó ông lập luận rằng một số phần của Kinh Thánh có mức độ linh cảm cao hơn các phần khác, và đến cuối loạt bài của mình ông thậm chí xác định một số phần của Kinh Thánh là không được linh cảm. Sau đó, vào năm 1882, Uriah Smith, một người lãnh đạo công tác xuất bản, và lúc bấy giờ cũng là người lãnh đạo công tác giáo dục, bắt đầu dạy rằng khi Bà White được cho thấy những lời tiên tri về tương lai hoặc lịch sử thánh trong quá khứ, thì lời của bà là do linh cảm; nhưng ông cho rằng khi bà nêu ra những thiếu sót cá nhân của các thành viên hội thánh, thì đó chỉ đơn thuần là ý kiến con người của bà.

Năm 1881, Sa-tan, qua trung gian vị chủ tịch của hội thánh, đã phát động một cuộc tấn công công khai vào thẩm quyền của Kinh Thánh King James, và rồi năm sau, người lãnh đạo công tác giáo dục và xuất bản đã tiến hành một cuộc tấn công tương tự vào thẩm quyền của Thần Khí của Lời Tiên Tri. Từ năm 1884, lời chứng cho biết rằng trong những ngày ấy không có Khải tượng công khai. Từ năm 1863 đến năm 1881, sự phản nghịch đã leo thang để bao gồm cả Kinh Thánh và Thần Khí của Lời Tiên Tri, và không còn chỉ đơn thuần là sự chối bỏ các nền tảng nữa.

Bốn sự góm ghiếc được nêu trong sách Ê-xê-chi-ên đoạn tám được thực hiện bởi các trưởng lão, đại diện cho tầng lớp lãnh đạo của Giê-ru-sa-lem, vốn đã khởi đầu như một pháp nhân giáo hội mang tên Phục Lâm La-ô-đi-xê vào năm 1863. Vào thời điểm đó, một bài viết đã được đăng trên Review and Herald, mà một số sử gia gán quyền tác giả cho James White, dù các tài liệu của bài viết thực ra chỉ ra Uriah Smith mới là tác giả. Dù thế nào đi nữa, lời rửa chống lại việc xây lại Giê-ri-cô đã được ứng nghiệm cách rõ ràng nơi James White, và Uriah Smith là người đã tạo ra biểu đồ giả mạo năm 1863. Đến năm 1881, chủ tịch Tổng Hội đã đăng các bài viết trên Review and Herald, lập luận chống lại thẩm quyền trọn vẹn của Kinh Thánh, và rồi năm kế tiếp Uriah Smith bắt đầu tấn công thẩm quyền của Thần khí của lời tiên tri.

Những bậc lão thành vốn được coi là những người bảo vệ đã cầm đầu một cuộc tấn công công khai, bắt đầu bằng việc công kích các lễ thật nền tảng được thể hiện trong giấc mơ của Miller và được minh họa trên hai bảng của Habakkuk. Từ đó, họ bắt đầu tấn công hai nhân chứng là Kinh Thánh và Thần Linh của Lời Tiên Tri. Trong cùng thời kỳ đó (đầu thập niên 1880), người đứng đầu công tác y tế, John H. Kellogg, bắt đầu giới thiệu tư tưởng duy linh của thuyết phiếm thần vào hàng ngũ lãnh đạo của hội thánh. Năm 1881, James White đã yên nghỉ, và bà White đang ở giữa một cuộc nổi loạn ngày càng leo thang của giới lãnh đạo trong cơ cấu giáo dục, y tế và chính trị của hội thánh.

Sứ điệp đã đến vào năm 1856, tức ánh sáng gia tăng của "bảy thời kỳ", cùng với sứ điệp gửi đến La-ô-đi-xê, đã bị khước từ; và Chúa định lập lại chính sứ điệp ấy tại Đại Hội đồng ở Minneapolis

năm 1888, qua sứ điệp do các Mục sư Jones và Waggoner trình bày. Sứ điệp của họ không phải là một sứ điệp mới, và khi Bà White lên tiếng với những người đã chống đối sứ điệp của họ, bà chỉ ra rằng những kẻ phản nghịch tin rằng việc họ chống lại sứ điệp của Jones và Waggoner là thực hiện trách nhiệm bảo vệ các mốc ranh giới xưa, tức là các nền tảng cũ. Sự phản nghịch của họ cho thấy rằng đến năm 1888, họ không còn hiểu các nền tảng là gì nữa, nghĩa là các lẽ thật nền tảng chính là sự công bình của Đấng Christ. Trong bối cảnh các mốc ranh giới và các quy tắc của William Miller, bà nói:

Chúng ta cần tự mình biết rõ Kitô giáo gồm những gì, đâu là lẽ thật, đức tin mà chúng ta đã nhận, những quy tắc của Kinh Thánh—những quy tắc được ban cho chúng ta từ thẩm quyền cao nhất. Có nhiều người tin mà không có lý do để đặt nền tảng cho đức tin của mình, không có bằng chứng đầy đủ về lẽ thật của vấn đề. Nếu có một ý tưởng được đưa ra phù hợp với những quan niệm sẵn có của chính họ, họ lập tức sẵn sàng chấp nhận. Họ không suy luận từ nguyên nhân đến kết quả, đức tin của họ không có nền tảng chân chính, và khi gặp thử thách, họ sẽ thấy rằng mình đã xây dựng trên cát.

Kẻ nào mãi nguyện với sự hiểu biết hiện tại còn thiếu sót của mình về Kinh Thánh, cho rằng như thế là đủ cho sự cứu rỗi của mình, thì đang an nghỉ trong một sự lừa dối chết người. Có nhiều người không được trang bị đầy đủ các lập luận Kinh Thánh để có thể phân định sai lầm và lên án mọi truyền thống và mê tín đã bị mạo nhận là chân lý. Sa-tan đã đưa những ý tưởng riêng của nó vào sự thờ phượng Đức Chúa Trời để làm bại hoại sự đơn sơ của Tin Lành của Đấng Christ. Một số đông người xưng nhận tin vào lẽ thật hiện tại, không biết đức tin từng được truyền cho các thánh đồ gồm những gì—Đấng Christ ở trong anh em, là niềm hy vọng vinh hiển. Họ tưởng mình đang bảo vệ các mốc giới xưa, nhưng họ nguội lạnh và dừng dừng. Họ không biết thế nào là dẹt vào kinh nghiệm của mình và thực sự sở hữu những đức hạnh chân thật là tình yêu thương và đức tin. Họ không phải là những người học Kinh Thánh cách cẩn trọng, nhưng lười biếng và chệnh mảng. Khi có những khác biệt ý kiến về các đoạn Kinh Thánh, những người không học với mục đích và không dứt khoát về điều mình tin sẽ xa rời lẽ thật. Chúng ta phải nhấn mạnh với mọi người sự cần thiết của việc tra xét siêng năng lẽ thật của Đức Chúa Trời, để họ biết chắc rằng mình thật sự biết đâu là lẽ thật. Có người tự cho mình có nhiều sự hiểu biết và thấy mãi nguyện với tình trạng của mình, trong khi họ không còn lòng nhiệt thành nào đối với công việc, không còn tình yêu nồng cháy nào dành cho Đức Chúa Trời và cho các linh hồn mà Đấng Christ đã chết thay, chẳng hơn gì khi họ chưa hề biết Đức Chúa Trời. Họ không đọc Kinh Thánh [để] tiếp nhận tủy và mỡ cho linh hồn mình. Họ không cảm thấy đó là tiếng của Đức Chúa Trời đang phán với họ. Nhưng nếu chúng ta muốn hiểu con đường cứu rỗi, nếu chúng ta muốn thấy những tia sáng của Mặt Trời công bình, chúng ta phải học Kinh Thánh cách có mục đích, vì những lời hứa và lời tiên tri của Kinh Thánh chiếu những luồng sáng vinh quang rõ rệt trên kế hoạch cứu chuộc của Đức Chúa Trời, những lẽ thật cao cả ấy chưa được hiểu rõ. Tài liệu 1888, 403.

Tuyên bố này được trích từ lời chứng của bà trong giai đoạn năm 1888, và bà chỉ ra rằng những kẻ phản loạn đang xây nền móng trên cát, dù họ không biết điều đó. Bà nói: "Một số đông người tự cho là tin lẽ thật hiện tại, không biết điều gì cấu thành đức tin đã một lần được truyền cho các thánh—Đấng Christ ở trong anh em, niềm hy vọng về vinh quang. Họ nghĩ mình đang bảo vệ các cột mốc xưa, nhưng họ nguội lạnh và dừng dừng." Bà nhận định họ vẫn ở trong tình trạng Laodicê,

vì họ "nguội lạnh." Và bà xác định "đức tin đã một lần được truyền cho các thánh—Đấng Christ ở trong anh em, niềm hy vọng về vinh quang." Đấng Christ là Vàng Đá Muôn Đời, và với tư cách là Vàng Đá Muôn Đời, Ngài đại diện cho những viên ngọc trong giấc mơ của Miller.

“Lời cảnh báo đã đến: Không được cho phép bất cứ điều gì chen vào làm lung lay nền tảng của đức tin mà trên đó chúng ta đã xây dựng kể từ khi sứ điệp đến vào các năm 1842, 1843 và 1844. Tôi đã ở trong sứ điệp này, và kể từ đó đến nay tôi đã đứng trước thế gian, trung thành với ánh sáng mà Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta. Chúng tôi không chủ trương rời khỏi nền tảng mà chúng tôi đã đứng, nền tảng được hình thành khi ngày qua ngày chúng tôi tìm kiếm Chúa bằng những lời cầu nguyện tha thiết, khẩn cầu ánh sáng. Bạn có nghĩ rằng tôi có thể từ bỏ ánh sáng mà Đức Chúa Trời đã ban cho tôi không? Ánh sáng ấy phải vững như Vàng Đá Muôn Đời. Từ khi được ban, nó đã dẫn dắt tôi.” Review and Herald, ngày 14 tháng 4, năm 1903.

Bà chỉ ra một thực tế quan trọng về những kẻ phản loạn, tức các bậc lão thành trong sách Ê-xê-chi-ên, khi bà nói: “Họ không suy luận từ nguyên nhân đến kết quả.” Kẻ ác không thể, hoặc không chịu, suy luận từ nguyên nhân đến kết quả. Hệ quả của kỳ họp Tổng Hội năm 1888 mang tính phản loạn đến nỗi Bà White quyết định rời đi, nhưng vị thiên sứ hướng dẫn bà truyền lệnh rằng bà phải ở lại và ghi chép lịch sử song song về cuộc phản loạn của Cô-ra, Đa-than và A-bi-ram. Cuộc phản loạn của các bậc lão thành là kết quả, còn nguyên nhân là sự khước từ sứ điệp La-ô-đi-xê, vốn đến cùng với ánh sáng gia tăng về “bảy lần” vào năm 1856, rồi leo thang thành cuộc phản loạn chống lại các nền tảng vào năm 1863, từ đó dẫn đến việc tấn công trước hết vào Kinh Thánh rồi đến Thần Linh của Lời Tiên Tri, cùng với sự du nhập chủ nghĩa duy linh của Kellogg.

Dĩ nhiên, suốt chiều dài lịch sử, các sử gia thời xưa đã che đậy những sự thật liên quan đến cuộc nổi loạn bằng những thứ rác rưởi, truyền thống, phong tục và đủ loại chuyện hoang đường, vì những kẻ tham gia vào kiểu nổi loạn ấy luôn tìm cách che giấu bằng chứng.

Khốn thay cho những kẻ ra sức giấu kín mưu kế của họ khỏi Chúa, và việc làm của họ ở trong bóng tối; họ nói: Ai thấy được chúng ta? Ai biết được chúng ta? Ê-sai 25:19.

Những người đàn ông mà Ê-sai đang nói đến trong câu ấy chính là những kẻ ông xác định là “những kẻ nhạo báng cai trị dân này tại Giê-ru-sa-lem”, và cũng là những người đàn ông xưa kia lẽ ra phải là những người canh giữ cho dân sự trong Ê-xê-chi-ên chương tám. Trong lời chứng của Ê-xê-chi-ên, ở điều gồm ghiếc thứ hai, vốn đánh dấu thế hệ thứ hai của Chủ nghĩa Phục Lâm, họ trả lời những câu hỏi mà những kẻ nhạo báng của Ê-sai nêu ra rằng: “Chúa không thấy chúng ta; Chúa đã bỏ đất” (Ê-xê-chi-ên 8:12).

"Khốn thay" cho những kẻ xét lại lịch sử tìm cách che đậy sự thật về cuộc nổi dậy đã dẫn đến và xảy ra vào năm 1888.

Chúng tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu này trong bài viết tiếp theo.

Tôi phải nói với ông về các cuộc họp ở Minneapolis. Đã có lúc tôi quyết định rời cuộc họp vì tôi thấy và cảm nhận được tinh thần chống đối mạnh mẽ đang bao trùm. Tôi không thể nào, dù chỉ một khoảnh khắc, thừa nhận cái tinh thần đã tác động với quyền lực chi phối trên Anh

Morrison và Anh Nicola. Tôi không thể, dù chỉ một lúc, nghi ngờ ông thuộc về thứ tinh thần nào. Chắc chắn đó không phải là Thánh Linh của Đức Chúa Trời, và kéo ông tiếp tục trong sự lầm lạc này, tôi nay viết cho ông.

Đêm sau khi tôi đã quyết định không ở lại Minneapolis lâu hơn nữa, trong một giấc mơ hay thị kiến ban đêm — tôi không thể nói chắc là cái nào — một người có dáng vẻ cao lớn, uy nghi mang đến cho tôi một sứ điệp và tỏ cho tôi biết rằng đó là ý muốn của Đức Chúa Trời để tôi đứng tại vị trí bốn phận của mình, và rằng chính Đức Chúa Trời sẽ là Đấng giúp đỡ tôi và nâng đỡ tôi để nói những lời Ngài sẽ ban cho tôi. Người ấy nói: "Vì công việc này Chúa đã đẩy bạn lên. Cánh tay đòi đòi của Ngài ở dưới đỡ bạn. Từ cuộc nhóm họp này sẽ có những quyết định cho sự sống hay cho sự chết; không phải rằng ai phải hư mất, nhưng sự kiêu ngạo thuộc linh và cậy mình sẽ đóng cửa để Đức Chúa Jêsus và quyền năng của Đức Thánh Linh Ngài không được tiếp nhận. Họ sẽ có một cơ hội khác để khỏi bị lừa dối, và để ăn năn, xưng tội mình, đến với Đấng Christ và được biến cải để Ngài chữa lành họ."

"Ông nói: 'Hãy theo ta.' Tôi theo người dẫn đường của mình và ông dẫn tôi đến các ngôi nhà khác nhau nơi các anh em cư ngụ, rồi ông nói: 'Hãy nghe những lời được nói ra ở đây, vì chúng đã được chép trong sách ghi chép, và những lời này sẽ có quyền năng kết tội mọi kẻ góp phần vào công việc này không theo thần khí của sự khôn ngoan từ trên cao, nhưng theo thần khí không từ trên mà xuống, mà là từ bên dưới.'"

Tôi đã nghe những lời nói mà lẽ ra phải khiến tất cả những ai đã thốt ra chúng phải xấu hổ. Những lời mỉa mai được chuyển từ người này sang người khác, chế nhạo các anh em A. T. Jones, E. J. Waggoner, Willie C. White, và cả chính tôi. Vai trò và công việc của tôi bị những người đáng lẽ phải chuyên tâm hạ mình trước Đức Chúa Trời và chinh đốn tâm lòng mình đem ra bình luận một cách tự do. Dường như có một sự say mê trong việc mải áp ủ những điều sai trái tưởng tượng và những điều do trí tưởng tượng bày ra về các anh em của họ và công việc của họ—những điều vốn không có nền tảng trong lẽ thật—và trong việc hoài nghi, nói và viết những điều cay độc như hệ quả của sự hoài nghi, nghi vấn và không tin.

"Vị hướng dẫn của tôi nói: 'Điều này được ghi trong sổ sách là chống lại Chúa Giê-xu Christ. Tinh thần này không thể hòa hợp với Thần Linh của Đấng Christ, của lẽ thật. Họ say sưa với tinh thần chống đối và chẳng biết, cũng chẳng hơn kẻ say rượu, linh nào đang chi phối lời nói hay hành động của họ. Tội lỗi này đặc biệt xúc phạm Đức Chúa Trời. Tinh thần này không mang chút đáp nào của Thần Linh của lẽ thật và sự công chính, hơn gì tinh thần đã thúc đẩy người Do Thái liên kết lại để nghi ngờ, chỉ trích và trở thành gián điệp theo dõi Đấng Christ, Đấng Cứu Chuộc của thế gian.'

Tôi được vị hướng dẫn cho biết rằng đã có người chứng kiến những lời lẽ thiếu vắng Đấng Christ, những lời lẽ của bọn ô hợp, phơi bày tinh thần đã thúc đẩy những lời ấy. Khi họ bước vào phòng mình, các thiên sứ ác đã đi theo họ, vì họ đã khép cửa đối với Thánh Linh của Đấng Christ và không chịu lắng nghe tiếng Ngài. Linh hồn không hề tự hạ trước mặt Đức Chúa Trời. Lời cầu nguyện hiếm khi vang lên, còn sự chỉ trích và những lời nói phóng đại, những giả định và suy đoán, lòng ganh tị và ghen ghét, những nghi ngờ ác ý và những lời vu khống thì lại thịnh hành. Nếu mắt họ được mở ra, hẳn họ đã thấy điều lẽ ra khiến họ kinh hãi: sự há hê đặc chí của các thiên sứ ác. Và họ cũng sẽ thấy một Đấng Canh Giữ, Đấng đã nghe từng lời một và

ghi chép những lời ấy vào các sách trên trời.

Lúc đó tôi được cho biết rằng vào thời điểm này việc đưa ra bất kỳ quyết định nào về lập trường đối với các điểm giáo lý, về điều gì là lẽ thật, hoặc trông đợi một tinh thần tìm hiểu công bằng đều sẽ vô ích, vì đã có một liên minh được lập ra để không cho phép có sự thay đổi nào trong tư tưởng về bất cứ điểm hay lập trường nào mà họ đã tiếp nhận, chẳng khác gì người Do Thái. Người hướng dẫn của tôi đã nói với tôi nhiều điều mà tôi không được phép viết ra. Tôi thấy mình ngồi bật dậy trên giường trong tâm trạng sầu khổ và khốn quẫn, đồng thời với một quyết tâm vững chắc là sẽ đứng ở vị trí bổn phận của mình cho đến khi buổi nhóm kết thúc, rồi chờ những chỉ dẫn của Thánh Linh của Đức Chúa Trời bảo tôi phải hành động thế nào và theo đuổi đường lối nào. Tài liệu 1888, 277, 278.